

Số: 1020/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 16 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, mã ngành 7140247

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ tại Biên bản số 910/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Sư phạm và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

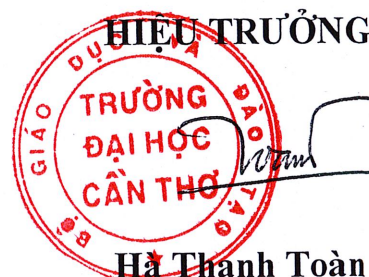
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, mã ngành 7140247 của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2023 và áp dụng cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông/bà Trưởng Phòng: Đào tạo, Tài chính, Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Sư phạm, Trưởng các đơn vị, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1020/QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Sư phạm Khoa học tự nhiên** (Natural Science Teacher Education)

Mã ngành: 7140247

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên Khoa học tự nhiên có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng; có năng lực quản lý học sinh tại các trường trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục; có khả năng tự học suốt đời; có khả năng thích nghi với môi trường giáo dục và hội nhập quốc tế; có khả năng phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; và đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

a. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội, quản lý học sinh, pháp luật và giáo dục quốc phòng an ninh.

b. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng để giảng dạy, học tập và nghiên cứu các chuyên ngành khoa học tự nhiên tại trường trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục khác.

c. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ Sư phạm vững vàng để giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành khoa học tự nhiên ở trường trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và phát triển kinh tế - xã hội.

d. Phát triển cho sinh viên kỹ năng: tư duy phản biện và sáng tạo, giao tiếp hợp tác, ngoại ngữ, hoạt động thể chất, công nghệ thông tin, hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm, học tập suốt đời và thích ứng với môi trường đa văn hóa để hội nhập quốc tế.

e. Hình thành cho sinh viên phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên trình độ đại học, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, tự nhiên, xã hội, con người và pháp luật.

b. Vận dụng được kiến thức để bảo vệ sức khỏe, quốc phòng, an ninh và quản lý học sinh.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Khái quát được kiến thức nền tảng về giáo dục học, tâm lý học và khoa học tự nhiên.

b. Sử dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2.1.3 Khỏi kiến thức chuyên ngành

a. Phân tích được các thuộc tính cơ bản và nguyên lý công nghệ ứng dụng khoa học tự nhiên.

b. Giải thích được các hiện tượng, quá trình sống trong tự nhiên, ý nghĩa của các thành tựu về Khoa học tự nhiên đối với đời sống xã hội; đề xuất được các giải pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng.

c. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của phụ huynh học sinh, của nhà trường, các đoàn thể chính trị, xã hội trong giáo dục học sinh.

d. Vận dụng được các nguyên lý, các phương pháp – kỹ thuật giảng dạy, các nguyên tắc thiết kế/phát triển chương trình, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu theo hướng phát triển năng lực học sinh trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch kiểm tra đánh giá, kế hoạch nghiên cứu khoa học và hoạt động giáo dục trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế ở trường trung học cơ sở.

b. Thành thạo bảo quản, bảo trì trang thiết bị và dụng cụ thí nghiệm; pha chế hóa chất an toàn; tìm hiểu và khám phá thế giới Khoa học tự nhiên trong thực hành thí nghiệm và nghiên cứu khoa học.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Đạt được trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

b. Thành thạo các kỹ năng: phân tích, tổng hợp, đánh giá, tư duy phản biện và sáng tạo; làm việc độc lập và hợp tác; thích ứng trong môi trường đa văn hóa, hội nhập quốc tế; và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và phát triển kinh tế - xã hội.

2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội và cá nhân, nội quy và quy chế làm việc của ngành giáo dục.

b. Phối hợp đồng nghiệp, gia đình, nhà trường và các đoàn thể chính trị xã hội trong các hoạt động giáo dục phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên bậc trung học cơ sở.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành lý luận và phương pháp dạy học, các ngành giáo dục, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước, các ngành có liên quan đến khoa học tự nhiên ở trong và ngoài nước.

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và giáo dục.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Luật giáo dục đại học; Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn Khoa học tự nhiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018; thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên của Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế; Trường Đại học Quirino State, Philippines.

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín ch	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60				I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60				I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45			FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45			FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III	
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III	
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III	
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III	
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III	
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III	
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III	
34	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và QL ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III	
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 15 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
35	SG030	Tư vấn tâm lý học đường	2		2	20	20			I,II	
36	SP010	Tâm lý học Sư phạm	2			20	20			I,II	
37	SP079	Giáo dục học	3	3		45				I,II	
38	SG114E	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30				I,II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
39	SG394E	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II
40	SG031	Cơ - Nhiệt	4	4		45	30			I,II
41	SG032	Điện - Từ	3	3		30	30			I,II
42	SG033	Quang học	3	3		30	30			I,II
43	SG034	Hóa học cơ sở	3	3		30	30			I,II
44	SG035	Hóa vô cơ	3	3		30	30			I,II
45	SG036	Hóa hữu cơ	3	3		30	30			I,II
46	SG037	Hóa sinh	2	2		30				I,II
47	SG038	Sinh học tế bào	3	3		30	30			I,II
48	SG039	Sinh học cơ thể động vật	4	4		45	30			I,II
49	SG040	Sinh học cơ thể thực vật	4	4		45	30			I,II
50	SG041	Con người và sức khỏe	2	2		30				I,II
51	SG042	Toán cho Khoa học tự nhiên	2	2		30				I,II
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 39 TC; Tự chọn: 4 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
52	SG131E	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2		2	15	30			I,II
53	SG421E	Kỹ năng xử lý tình huống Sư phạm	2			15	30			I,II
54	SG090	Phương pháp nghiên cứu khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
55	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30			I,II
56	SG095	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
57	SG096	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
58	SG097	Phát triển chương trình giáo dục Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
59	SG098	Dạy học các chủ đề Khoa học tự nhiên theo định hướng STEM	2	2		15	30			I,II
60	SG099	Phương pháp thiết kế câu hỏi và bài tập khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
61	SG492	Phương pháp giảng dạy thí nghiệm Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
62	SG493	Đánh giá kết quả học tập Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
63	SG494	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	2		15	30			I,II
64	SG495	Tập giảng – Sư phạm Khoa học tự nhiên	2	2			60			I,II
65	SG496E	Trái đất và bầu trời	2		2	30				I,II
66	SP438E	Thiên văn học	2			30				I,II
67	SG317E	Khoa học trái đất	2			30				I,II
68	SG497	Hóa học và đời sống	2	2		30				I,II
69	SG498	Di truyền học – Sư phạm Khoa học tự nhiên	3	3		30	30			I,II
70	SP528	Tiến hóa	2	2		30				I,II
71	SG499E	Sinh thái học và bảo vệ môi trường	2	2		30				I,II
72	SG500	Kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm	1	1			30			I,II
73	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60			I,II
74	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90			II
75	SG050	Anh văn chuyên môn – Sư phạm Khoa học tự nhiên	2	2		30				I,II
76	SG502	Thực tập giáo trình Khoa học tự nhiên	2	2			60			II
77	SG505	Luận văn tốt nghiệp – Sư phạm Khoa học tự nhiên	10		10		300	≥ 105 TC		I,II
78	SG504	Tiểu luận tốt nghiệp – Sư phạm Khoa học tự nhiên	4				120	≥ 105 TC		I,II
79	SG503	Niên luận – Sư phạm Khoa học tự nhiên	2				60			I,II
80	SG043	Giáo dục trải nghiệm khoa học tự nhiên	2			15	30			I,II
81	SG440E	Danh pháp hóa học	2			30				I,II
82	SG442E	Hóa học tinh thể	2			30				I,II
83	SP405	Hóa học phức chất	2			30				I,II
84	SG044	Hóa học hợp chất thiên nhiên	2			30				I,II
85	SG045	Sinh thái nhân văn	2			30				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín ch	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
86	SG046	Tài nguyên thiên nhiên	2			30				I,II
87	SP372E	Vật lý môi trường	2			30				I,II
88	SP141	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	2			30				I,II
89	SG047	Vật lý mô phỏng	2			15	30			I,II
90	SG048	Nhập môn công nghệ sinh học	2			30				I,II
91	SG049	Vi sinh học	2			20	20			I,II
Cộng: 55 TC (Bắt buộc: 41 TC; Tự chọn: 14 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 33 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy. Học phần có chữ "E" ở cuối mã học phần là học phần dạy trực tuyến.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



HÀ THANH TOÀN

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

TRẦN TRUNG TÍNH

KHOA SƯ PHẠM
Trưởng Khoa

HUỲNH ANH HUY